

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

10/05/2014



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Danh mục các Công ty con hợp nhất:

Công ty Con	Ngành nghề	% sở hữu theo ĐKKD	Quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Xây lắp	55%	55%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Xây lắp	40%	51%
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8	Xây lắp; SX và KD TM	65%	65%
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	Xây lắp và KD BĐS	100%	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 05 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên	
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên	
Ông Nguyễn Phú Dũng	Ủy viên	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 02 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 31/03/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Huy Tường	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(Thôi giữ chức theo Nghị quyết 03 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 01 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 27/03/2015)
Ông Đỗ Nguyên An	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 04 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W <http://cpavietnam.vn>

Số: 297/2016/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Ngọc An**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

01/03/2016

01/03/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		637.013.075.272	549.339.421.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	74.361.545.372	21.482.974.133
1. Tiền	111		56.611.545.372	20.732.974.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.750.000.000	750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.650.000.000	150.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.650.000.000	150.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.158.581.088	207.611.608.899
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	177.871.343.487	156.393.540.886
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	19.524.588.484	13.177.008.286
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	56.580.806.205	44.416.623.240
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.818.157.088)	(6.375.563.513)
IV. Hàng tồn kho	140		294.317.445.242	312.604.889.167
1. Hàng tồn kho	141	5.7	294.317.445.242	312.604.889.167
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.525.503.570	7.489.949.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	13.668.742.187	1.944.478.340
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.9	1.208.555.527	5.545.362.326
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	648.205.856	108.499
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		111.240.337.750	136.314.070.558
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.287.640.982	30.051.457.446
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	52.867.640.982	29.631.457.446
- Nguyên giá	222		82.991.227.194	65.908.663.831
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.123.586.212)	(36.277.206.385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	420.000.000	420.000.000
- Nguyên giá	228		485.590.000	450.590.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.590.000)	(30.590.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	11.946.967.267	-
1. Nguyên giá	231		12.383.216.981	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(436.249.714)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	5.753.014.000	81.251.908.933
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.14	5.000.000.000	80.500.284.933
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.15	753.014.000	751.624.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.252.715.501	25.010.704.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	40.238.550.254	24.836.025.787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.165.247	174.678.392
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		748.253.413.022	685.653.491.922

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

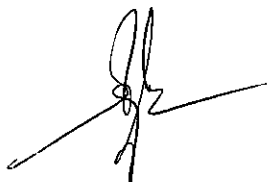
MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		550.879.958.283	509.667.244.684
I. Nợ ngắn hạn	310		536.407.943.283	508.000.644.684
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	132.520.620.844	136.007.413.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	34.567.251.206	72.077.459.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	13.140.136.957	10.152.880.933
4. Phải trả người lao động	314		16.713.852.921	13.081.338.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	16.154.164.046	9.619.723.154
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	42.063.457.227	55.802.055.012
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	278.388.553.155	209.717.358.496
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22	2.449.003.282	500.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		410.903.645	1.042.415.863
II. Nợ dài hạn	330		14.472.015.000	1.666.600.000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.23	11.235.555.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	3.236.460.000	1.666.600.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		197.373.454.739	175.986.247.238
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.24	197.373.454.739	175.986.247.238
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.999.770.000	109.999.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.063.367.327	2.063.367.327
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.204.920.586	5.499.795.325
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		340.018.537	194.650.217
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.234.357.438	9.256.679.107
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.850.277.010	4.912.764.077
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.384.080.428	4.343.915.030
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.25	14.976.990.221	13.417.954.632
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		748.253.413.022	685.653.491.922

Người lập biểu



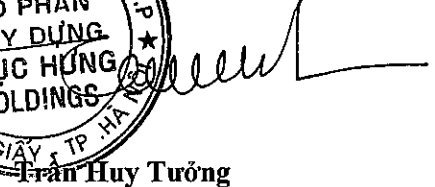
Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016
Tổng Giám đốc

Trần Huy Tường



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.26	1.219.925.093.141	528.598.461.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.26	55.955.673	7.747.273
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.26	1.219.869.137.468	528.590.714.632
4. Giá vốn hàng bán	11	5.27	1.159.519.528.433	482.847.435.884
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		60.349.609.035	45.743.278.748
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.28	7.470.928.719	1.024.635.505
7. Chi phí tài chính	22	5.28	23.908.824.258	13.451.473.904
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.653.140.593	13.095.689.054
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên danh liên kết	24	5.29	6.629.559.166	(1.194.533.310)
9. Chi phí bán hàng	25		-	45.373.603
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		35.038.935.895	24.976.247.214
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22) + 24 - (25+26)}	30		15.502.336.767	7.100.286.222
12. Thu nhập khác	31	5.30	6.252.035.045	2.562.538.577
13. Chi phí khác	32	5.30	1.865.308.031	1.793.489.428
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.386.727.014	769.049.149
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.889.063.781	7.869.335.371
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.31	4.948.876.958	2.181.506.018
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		27.656.419	54.760.697
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.912.530.404	5.633.068.656
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		12.384.080.428	4.343.915.030
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.528.449.976	1.289.153.626
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.32	1.137	399
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu



Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016



Tổng Giám đốc



Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU 1	MS 2	TM 3	Năm 2015	Năm 2014
			VND 4	VND 5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.675.744.448.921	642.903.661.039
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.335.427.571.717)	(548.757.572.245)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(133.633.141.729)	(98.030.250.527)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(23.918.030.356)	(18.339.949.971)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.858.082.365)	(6.553.419.563)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.734.303.025	22.893.347.952
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(197.608.020.107)	(26.762.201.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.033.905.672	(32.646.384.468)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(26.536.153.907)	(1.531.344.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.223.846.667	716.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.400.000.000)	(18.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.598.303.336	10.812.555.562
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.390.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.046.863.167	702.304.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.068.530.737)	(7.300.484.672)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		977.014.495.420	446.251.868.197
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(906.773.440.761)	(426.639.972.881)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.327.858.355)	(7.589.870.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		65.913.196.304	12.022.025.091
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		52.878.571.239	(27.924.844.049)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.482.974.133	49.407.818.182
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	74.361.545.372	21.482.974.133

Người lập biểu

Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016



Giám đốc

Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Vốn điều lệ của Công ty là 109.999.700.000 đồng.

Các Cổ đông lớn của Công ty tại 31/12/2015:

Các Cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ %
Ông Cao Tùng Lâm	1.681.129	16.811.290.000	15,28%
Ông Trần Huy Tường	757.750	7.577.500.000	6,89%
Ông Nguyễn Đức Thắng	649.470	6.494.700.000	5,90%
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000	5,45%
Ông Nguyễn Quang Vinh	550.000	5.500.000.000	5,00%
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%
Các cổ đông khác	6.259.748	62.597.280.000	56,91%
Tổng cộng	10.999.997	109.999.770.000	100,00%

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 148 người (tại ngày 31/12/2014 là 142 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp là 0101311315 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp);
- Thiết kế Công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống, điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Trong năm 2015: Công ty chủ yếu thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long
Địa chỉ: Tháp B, phòng 1912, CT2, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Me Kong Tower, số 235-241 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Miền Nam
Địa chỉ: Số 680 đường Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng tàu.

Các Công ty con của Công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.4), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT/BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Thông tư 202 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

19/12/2015

19/12/2015
TY
H
J
N
OY

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

10/03/2016

10/03/2016

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

311
G
P
H
D
31
DI
IV



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

PHỤ LỤC

M.Đ
V.HT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:
Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

**Thời gian khấu hao
(số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Phần mềm kế toán của Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

PHỤC HƯNG HOLDINGS

PHỤC HƯNG HOLDINGS

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ, dụng cụ loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là "liên doanh") được phân bổ vào khoản mục "hàng hóa bất động sản" (giá mua các sản phẩm của dự án từ liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà liên doanh đã bán cho Công ty.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CTCP PHỤC HƯNG HOLDINGS

TOÀN MẶT CHỮ ĐÓNG

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

X

07
T
H
01
7N
01

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, thương mại được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh

ST
Đ
Y
K
L
A

CC
T
T
A
/

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.687.190.203	535.345.187
Tiền gửi ngân hàng	54.924.355.169	20.197.628.946
Các khoản tương đương tiền	17.750.000.000	750.000.000
Tổng	74.361.545.372	21.482.974.133

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.650.000.000	5.650.000.000	150.000.000	150.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.650.000.000	5.650.000.000	150.000.000	150.000.000

5.3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	177.871.343.487	156.393.540.886
Công ty HYEJEON Contruction	23.732.636.104	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO	20.295.640.651	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (PCCI)	18.611.703.596	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	17.347.714.275	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sữa TH	10.442.575.569	23.340.201.765
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng	-	3.371.680.734
Phải thu các đối tượng khác	87.441.073.292	129.681.658.387
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	177.871.343.487	156.393.540.886

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Xây lắp giao thông công chính	-	5.000.000.000
Công ty CP Xây dựng và kỹ thuật Đức Thành	2.500.000.000	-
Công ty TNHH First Choice System	1.969.363.906	-
Công ty TNHH đầu tư xây dựng HNB	1.400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư tân Quang Cường Bình Thuận	825.242.087	-
Phải thu các đối tượng khác	12.829.982.491	8.177.008.286
Tổng	19.524.588.484	13.177.008.286

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	56.580.806.205	-	44.416.623.240	-
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (*)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (*)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	7.576.570.924	-	13.001.358.847	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.400.000	-	85.400.000	-
Tạm ứng	44.468.835.281	-	26.829.864.393	-
Tổng	56.580.806.205	-	44.416.623.240	-

(*) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDHTDT và số 103/HDHTDT về việc Đầu tư Xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ - huyện Đông Anh - TP Hà Nội.

07/12/2015
 T
 H
 O
 Á
 T
 N
 07/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.6 NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	9.300.641.995	2.482.484.907	6.375.563.513	-

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Xây lắp Hoá chất H36				580.816.870
Công ty Sông Đà 8.09 và 8.07				941.919.227
Công ty cơ giới				50.394.011
Các khách hàng khác - VPCT				118.506.218
Trang trại bò sữa Nghệ An				781.805.849
Dây chuyền vôi 2 - Vũng Tàu				583.136.076
Tiền bán gạch				64.034.480
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng				8.779.434
Ngân hàng Maritimebank				146.590.365
Công ty Cổ phần xi măng Mai Sơn				485.003.587
Công ty cổ phần xi măng Sông Thao				239.527.908
Công trình nhà máy XM Sơn La gói thầu số 05				43.832.420
Công trình nhà máy XM Sơn La gói thầu số 06				455.003.588
Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà đô thị - HUD				1.221.373.905
Công ty CPXD số 21				366.122.908
Công ty CP Constrexm Hồng Hà				450.000.000
Công ty Lắp máy cơ giới và Xây dựng				281.310.242
Tổng				6.818.157.088

5.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.225.751.158	-	12.712.409.774	-
Công cụ, dụng cụ	812.184.690	-	234.155.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	278.508.316.565	-	291.929.983.174	-
Thành phẩm	445.573.793	-	-	-
Hàng hoá	5.272.662.919	-	7.185.241.329	-
Hàng gửi đi bán	543.099.436	-	543.099.436	-
Hàng hóa bất động sản	4.509.856.681	-	-	-
Tổng	294.317.445.242	-	312.604.889.167	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	13.668.742.187	1.944.478.340
Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	13.668.742.187	1.944.478.340
Dài hạn	40.238.550.254	24.836.025.787
Chi phí Công cụ dụng cụ	23.353.981.204	5.711.219.844
Chi phí thuê Văn phòng HH2 (*)	2.658.671.559	2.765.882.044
Chi phí thuê sàn thương mại CT2	-	1.947.272.728
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh	14.225.897.491	14.225.897.491
Tiền thuê đất	-	185.753.680
Tổng	53.907.292.441	26.780.504.127

(*) Công ty thuê 523 m2 văn phòng tại tầng 3 - Toà nhà HH2 - Phường Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội trong vòng 50 năm.

5.9 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số được khấu trừ / Phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ / thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.545.362.327	135.764.637.834	140.101.444.634	1.208.555.527
Thuế XNK	360	-	-	360
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	631.777.350	11.685.324	620.092.026
Thuế thu nhập cá nhân	108.138	94.038.083	66.032.751	28.113.470
Tổng	5.545.470.825	136.490.453.267	140.179.162.709	1.856.761.383



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

áo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

.10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Năm 2015	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01/01	532.390.727	44.952.010.131	16.040.128.898	3.713.439.269	670.694.806	65.908.663.831
Tăng trong năm	31.285.545.039	9.927.041.200	2.117.263.636	447.520.018	336.363.636	44.113.733.529
Mua trong năm	-	3.808.979.072	-	415.339.200	336.363.636	4.560.681.908
Tăng do hợp nhất	31.285.545.039	-	2.117.263.636	32.180.818	-	33.434.989.493
Phân loại lại	-	6.118.062.128	-	-	-	6.118.062.128
Giảm trong năm	-	18.602.055.557	8.362.172.799	66.941.810	-	27.031.170.166
Thanh lý, nhượng bán	-	18.488.269.843	2.256.052.481	55.000.000	-	20.799.322.324
Phân loại lại	-	113.785.714	6.106.120.318	11.941.810	-	6.231.847.842
Tại ngày 31/12	31.817.935.766	36.276.995.774	9.795.219.735	4.094.017.477	1.007.058.442	82.991.227.194
<i>Hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01/01	125.913.843	21.901.831.301	12.538.804.378	1.333.665.263	376.991.600	36.277.206.385
Tăng trong năm	912.549.082	11.308.193.834	1.835.329.890	569.821.688	55.261.111	14.681.155.605
Trích khấu hao	843.991.124	11.308.193.834	821.040.973	541.038.515	55.261.111	13.569.525.557
Tăng do hợp nhất	68.557.958	-	1.014.288.917	28.783.173	-	1.111.630.048
Giảm trong năm	-	12.753.530.364	8.026.245.414	55.000.000	-	20.834.775.778
Thanh lý, nhượng bán	-	12.639.744.650	1.952.287.664	55.000.000	-	14.647.032.314
Phân loại lại	-	113.785.714	6.073.957.750	-	-	6.187.743.464
Tại ngày 31/12	1.038.462.925	20.456.494.771	6.347.888.854	1.848.486.951	432.252.711	30.123.586.212
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01	406.476.884	23.050.178.830	3.501.324.520	2.379.774.006	293.703.206	29.631.457.446
Tại ngày 31/12	30.779.472.841	15.820.501.002	3.447.330.882	2.245.530.526	574.805.731	52.867.640.982

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015 là 5.536.409.634 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 31/12/2015 lần lượt là 37.970.959.892 đồng và 14.566.238.215 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2015	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01/01	420.000.000	30.590.000	450.590.000
Tăng trong năm	-	35.000.000	35.000.000
Tăng do hợp nhất	-	35.000.000	35.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	420.000.000	65.590.000	485.590.000
<i>Hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01	-	30.590.000	30.590.000
Tăng trong năm	-	35.000.000	35.000.000
Tăng do hợp nhất	-	35.000.000	35.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	-	65.590.000	65.590.000
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01	420.000.000	-	420.000.000
Tại ngày 31/12	420.000.000	-	420.000.000

5.12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Tại 01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại 31/12/2015 VND
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	12.383.216.981	-	12.383.216.981
Tăng do hợp nhất	-	12.383.216.981	-	12.383.216.981
Giá trị hao mòn lũy kế	-	436.249.714	-	436.249.714
Tăng do hợp nhất	-	126.669.286	-	126.669.286
Trích trong năm	-	309.580.428	-	309.580.428
Giá trị còn lại	-	11.946.967.267	-	11.946.967.267

ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

áo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**13 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

MÃU B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ	31/12/2015			01/01/2015				
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết									
Đầu tư vào Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	30%	30%		-	-	41.129.844.097	41.129.844.097	-	-
Đầu tư vào Công ty CP Phát động sản Phục Hưng	50%	50%		-	-	35.695.110.250	35.695.110.250	-	-
Đầu tư vào Công ty CP Phát động sản Nghệ An	40%	40%		5.000.000.000	5.000.000.000	3.675.330.586	3.675.330.586	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
Đầu tư vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng				753.014.000	753.014.000	751.624.000	751.624.000	-	-
Đầu tư vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng				700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng				53.014.000	53.014.000	51.624.000	51.624.000	-	-
Tổng				5.753.014.000	5.753.014.000	81.251.908.933	81.251.908.933	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Theo Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04/01/2009, Công ty mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic), trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 05/11/2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền 30.736.160.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh", phần còn lại ghi nhận vào khoản mục "chi phí trả trước dài hạn".

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	-	-	-	41.129.844.097
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	-	-	2.100.000	35.695.110.250
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	400.000	5.000.000.000	400.000	3.675.330.586
Tổng	400.000	5.000.000.000	2.500.000	80.500.284.933

5.15 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Mua Cổ phần của Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	2.898	53.014.000	2.898	51.624.000
Tổng	72.898	753.014.000	72.898	751.624.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	132.520.620.844	132.520.620.844	136.007.413.723	136.007.413.723
Công ty CP Đầu tư XD Phát triển Việt Tiệp	11.920.026.010	11.920.026.010	-	-
Công ty TNHH SUNGSHIN VINA	7.678.806.600	7.678.806.600	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại KYCONS	-	-	19.449.177.471	19.449.177.471
Phải trả người bán khác	112.921.788.234	112.921.788.234	116.558.236.252	116.558.236.252
Tổng	132.520.620.844	132.520.620.844	136.007.413.723	136.007.413.723

5.17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP TASCO	7.778.800.000	-
LOTTE MART Vũng Tàu	-	11.660.000.000
Công ty CP đầu tư XD và KT Vinaconex	5.505.920.278	-
Trả trước của các đối tượng khác	21.282.530.928	60.417.459.476
Tổng	34.567.251.206	72.077.459.476

5.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.315.081.232	173.615.782.069	169.420.798.408	11.510.064.893
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.857.887.175	3.140.385.457	(282.498.282)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.613.176.622	2.613.176.622	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.336.461.311	4.948.876.958	5.776.869.294	1.508.468.975
Thuế thu nhập cá nhân	350.297.018	733.058.252	830.294.374	253.060.896
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.950.042.000	8.950.042.000	-
Các loại thuế khác	151.040.472	74.245.448	74.245.445	151.040.475
Tổng	10.152.880.033	193.793.068.524	190.805.811.600	13.140.136.957

5.19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	16.154.164.046	9.619.723.154
Trích trước chi phí xây lắp	15.257.832.750	9.381.520.996
Trích trước chi phí lãi vay	-	21.534.345
Trích trước chi phí phạt chậm nộp thuế và khác	896.331.296	216.667.813
Tổng	16.154.164.046	9.619.723.154

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.20 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	42.063.457.227	55.802.055.012
Kinh phí công đoàn	850.138.883	856.671.921
Bảo hiểm xã hội	429.210.552	1.479.481.116
Bảo hiểm y tế	22.991.329	39.451.969
Bảo hiểm thất nghiệp	10.019.349	17.441.392
Phải trả Cổ tức	249.896.120	33.113.675
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	40.451.200.994	53.375.894.939
+ <i>Phải trả các Đội xây dựng công trình</i>	<i>32.920.508.913</i>	<i>43.236.180.007</i>
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>5.961.784.381</i>	<i>10.139.714.932</i>
+ <i>Khách hàng nộp tiền sửa chữa căn hộ</i>	<i>1.568.907.700</i>	-
Dài hạn	-	-
Tổng	42.063.457.227	55.802.055.012



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	278.388.553.155	278.388.553.155	973.514.635.420	904.843.440.761	209.717.358.496	209.717.358.496
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	240.703.842.072	240.703.842.072	852.255.279.065	786.550.956.604	174.999.519.611	174.999.519.611
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn (2)	31.372.021.083	31.372.021.083	97.389.591.355	91.293.044.675	25.275.474.403	25.275.474.403
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN ĐBP	-	-	7.995.990.000	11.495.000.273	3.499.010.273	3.499.010.273
Các cá nhân khác (3)	6.312.690.000	6.312.690.000	15.873.775.000	15.504.439.209	5.943.354.209	5.943.354.209
Vay dài hạn	3.236.460.000	3.236.460.000	3.499.860.000	1.930.000.000	1.666.600.000	1.666.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (4)	3.236.460.000	3.236.460.000	3.499.860.000	767.200.000	503.800.000	503.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	-	-	-	1.162.800.000	1.162.800.000	1.162.800.000
Tổng	281.625.013.155	281.625.013.155	977.014.495.420	906.773.440.761	211.383.958.496	211.383.958.496

Thuyết minh các hợp đồng chủ yếu:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/36032/HĐYTĐ ngày 03/07/2015 giữa Công ty CP XD Phục Hưng Holdings và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô. Hạn mức dư nợ vay ngắn hạn tối đa 242 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh 436 tỷ đồng; thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất áp dụng theo từng HĐYTĐ ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố bằng TS của bên vay hoặc bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa bên vay/bên thứ 3 với Ngân hàng. Giá trị TSDB, phương thức xử lý TSDB thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay; Toàn bộ số dư TK tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/1771363/HĐYTĐ ngày 26 tháng 06 năm 2015 với hạn mức tối đa là 45 tỷ đồng, thời hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp hạn mức. Thời hạn vay trong từng hợp đồng tín dụng thông thường từ 05 đến 09 tháng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (3) Các khoản vay khác theo từng hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết với các pháp nhân và cá nhân khác, hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất từng hợp đồng dao động từ 8%/năm đến 12%/năm hoặc biến động theo dự thỏa thuận giữa 2 bên.
- (4) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2015/HDTD ngày 31/07/2015, Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô, số tiền cho vay 3,5 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, hình thức vay có thể chấp tài sản với tổng giá trị tài sản thế chấp là 225.848 USD.

5.22 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.449.003.282	500.000.000
Tổng	2.449.003.282	500.000.000

5.23 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	11.235.555.000	-
<i>Doanh thu cho thuê văn phòng tại tầng 5 tòa nhà The Light</i>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Hoàng Gia	11.235.555.000	-
Tổng	11.235.555.000	-

5.24 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Chi tiết chủ sở hữu của Công ty:**

Các Cổ đông lớn	Số Cổ phần và tỷ lệ sở hữu vốn			Vốn thực góp tại
	Số cổ phần	(VND)	(%)	31/12/2015 (VND)
Ông Cao Tùng Lâm	1.681.129	16.811.290.000	15,28%	16.811.290.000
Ông Trần Huy Tường	757.750	7.577.500.000	6,89%	7.577.500.000
Ông Nguyễn Đức Thắng	649.470	6.494.700.000	5,90%	6.494.700.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000	5,45%	6.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	550.000	5.500.000.000	5,00%	5.500.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%	5.019.000.000
Các cổ đông khác	6.259.748	62.597.280.000	56,91%	62.597.280.000
Tổng	10.999.997	109.999.770.000	100%	109.999.770.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.24 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.327.858.335	7.589.870.225

c. Cổ phiếu

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.999.977
Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	110.000
Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.

d. Các quỹ của Công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ dự đầu tư phát triển	10.204.920.586	5.499.795.325
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	340.018.537	194.650.217
Tổng	10.544.939.123	5.694.445.542

ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

áo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

24 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

e. Biến động nguồn vốn và các quỹ

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Lại ngày 01/01/2014	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	3.001.144.590	2.013.090.855	148.718.674	5.455.925.108	-	158.236.047.184
Tăng trong năm	-	-	-	-	98.629.654	386.930.226	45.931.543	4.343.915.030	13.417.954.632	18.293.361.085
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	4.343.915.030	-	4.343.915.030
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	98.629.654	386.930.226	45.931.543	-	-	531.491.423
Phần loại lại theo TT200	-	-	-	-	-	-	-	-	13.417.954.632	13.417.954.632
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	543.161.031	-	543.161.031
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	154.668.276	-	154.668.276
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	388.492.755	-	388.492.755
Lại ngày 31/12/2014	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	3.099.774.244	2.400.021.081	194.650.217	9.256.679.107	13.417.954.632	175.986.247.238
Lại ngày 01/01/2015	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	5.499.795.325	-	194.650.217	9.256.679.107	13.417.954.632	175.986.247.238
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.289.886.056	-	145.368.320	19.333.669.131	2.528.449.976	27.297.373.483
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	12.384.080.428	-	12.384.080.428
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	447.961.459	-	145.368.320	-	-	593.329.779
Tăng từ KOKD	-	-	-	-	-	-	-	-	2.528.449.976	2.528.449.976
Do hợp nhất PH Home	-	-	-	-	4.841.924.597	-	-	6.949.588.703	-	11.791.513.300
Giảm trong năm	-	-	-	-	584.760.795	-	-	4.355.990.800	969.414.387	5.910.165.982
Chuyển lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	4.355.990.800	-	4.355.990.800
sang chi tiêu phải	-	-	-	-	-	-	-	-	969.414.387	969.414.387
trả cổ tức 2014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	584.760.795
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	584.760.795	-	-	-	-	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lại ngày 31/12/2015	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	10.204.920.586	-	340.018.537	24.234.357.438	14.976.990.221	197.373.454.739



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.25 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.750.000.000	8.750.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	225.000.000	225.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.573.398.238	2.319.125.218
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	159.259.268	121.678.915
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.244.332.715	1.289.153.625
Cổ tức phải trả (đã chia)	(975.000.000)	712.996.874
Tổng	14.976.990.221	13.417.954.632

5.26 DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.028.718.153.736	465.472.254.554
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.531.184.343	30.857.883.199
Doanh thu bán bất động sản	122.148.794.291	4.551.718.768
Doanh thu cung cấp bê tông	22.751.038.253	27.598.423.566
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	9.775.922.518	118.181.818
Tổng	1.219.925.093.141	528.598.461.905
Các khoản giảm trừ	55.955.673	7.747.273
<i>Giảm giá hàng bán</i>	55.955.673	7.747.273
Doanh thu thuần	1.219.869.137.468	528.590.714.632

5.27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	971.114.641.745	422.928.377.456
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.508.847.026	28.183.957.493
Giá vốn bán bất động sản	128.143.946.914	4.501.265.027
Giá vốn cung cấp bê tông	22.218.026.280	27.213.056.688
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh khác	5.534.066.468	20.779.220
Tổng	1.159.519.528.433	482.847.435.884

5.28 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	7.470.928.719	1.024.635.505
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.470.928.719	1.022.132.489
Lãi bán các khoản đầu tư	5.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.503.016
Chi phí hoạt động tài chính	23.908.824.258	13.451.473.904
Chi phí lãi vay	22.653.140.593	13.095.689.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.259.387	-
Chi phí tài chính khác	1.142.424.278	355.784.850
Tổng	(16.437.895.539)	(12.426.838.399)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.29 PHÂN LÃI / LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Khi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty liên doanh, liên kết giảm xuống, Công ty đã tái phân loại lại các khoản trước đây được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định với giá trị là 6.629.559.166 đồng.

5.30 THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền dịch vụ quản lý tòa nhà	615.005.478	-
Thu lãi do khách hàng nộp chậm tiền nhà	1.326.496.891	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	272.185.500	-
Thu thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	973.096.975	610.000.000
Thu từ cho thuê thiết bị, cho thuê kho	538.044.144	79.547.200
Thu khuyến mại	86.430.000	-
Các khoản thu nhập khác	2.440.776.057	1.872.991.377
Tổng	6.252.035.045	2.562.538.577
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của Tài sản thanh lý	-	587.048
Các khoản chi phí khác	1.865.308.031	1.792.902.380
Tổng	1.865.308.031	1.793.489.428
Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	4.386.727.014	769.049.149

5.31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.889.063.781	7.869.335.371
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>2.269.069.052</i>	<i>2.290.448.475</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>69.699.810</i>	<i>276.183.200</i>
Thu nhập chịu thuế	22.088.433.023	9.883.600.646
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	22.088.433.023	9.883.600.646
Thuế suất áp dụng hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	4.859.455.265	2.174.392.142
Truy thu thuế TNDN năm trước	89.421.693	7.113.876
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	4.948.876.958	2.181.506.018
<i>Chi tiết số thuế TNDN tại các Công ty:</i>		
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	3.473.403.055	1.323.139.521
Công ty CP ĐT Xây dựng Phục Hưng số 3	718.560.742	347.378.126
Công ty CP ĐT Xây dựng Phục Hưng số 7	734.534.603	477.140.574
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8	22.378.558	33.847.797
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	-	-
Tổng	4.948.876.958	2.181.506.018

15/01/2016
 CÔNG TY
 QUẢN LÝ
 VÀ
 ĐẦU TƯ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.32 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.384.080.428	4.343.915.030
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.384.080.428	4.343.915.030
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.889.977	10.889.977
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.137	399

5.33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.923.285.436	117.951.993.750
Chi phí nhân công	191.259.220.319	114.863.599.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.562.861.467	10.039.256.570
Chi phí dự phòng	2.556.374.807	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.966.631.979	484.574.051.509
Chi phí bằng tiền khác	37.284.267.287	14.673.499.857
Tổng	828.552.641.295	742.102.401.308

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao	407.376.220	200.500.000
Hội đồng Quản trị	Tiền lương	801.814.514	-
Ban Tổng Giám đốc	Tổng thu nhập	1.757.653.714	1.116.046.059

17
G
D
T
J
T

M.C
P

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và Công nghiệp, các loại hình khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó báo cáo bộ phận không tách nhỏ thành các hoạt động, số liệu chi tiết cụ thể như sau:

*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại thời điểm 31/12/2014:**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN		
Tài sản cố định	29.631.457.446	29.631.457.446
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Các khoản phải thu	180.696.344.506	180.696.344.506
Hàng tồn kho	312.604.889.167	312.604.889.167
Tài sản không phân bổ	-	162.720.800.803
Tổng tài sản	522.932.691.119	685.653.491.922
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản phải trả	296.740.870.325	296.740.870.325
Phải trả tiền vay	211.383.958.496	211.383.958.496
Nợ phải trả không phân bổ	1.542.415.863	1.542.415.863
Tổng nợ phải trả	509.667.244.684	509.667.244.684

*Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
DOANH THU		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	528.598.461.905	528.598.461.905
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-
Tổng doanh thu	528.598.461.905	528.598.461.905
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	45.743.278.748	45.743.278.748
Chi phí tài chính phân bổ	13.451.473.904	13.451.473.904
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.100.286.222	7.100.286.222
Trừ: Chi phí không phân bổ		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		-
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)		-
Chi phí tài chính (không phân bổ)		-
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	769.049.149	769.049.149
Lợi nhuận kế toán trước thuế		7.869.335.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)		2.236.266.715
Lợi nhuận trong năm		5.633.068.656

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại thời điểm 31/12/2015:**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và các hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN		
Tài sản cố định	52.867.640.982	52.867.640.982
Các khoản phải thu	247.158.581.088	247.158.581.088
Hàng tồn kho	294.317.445.242	294.317.445.242
Tài sản không phân bổ	-	153.909.745.710
Tổng tài sản	594.343.667.312	748.253.413.022
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản phải trả	258.019.390.128	258.019.390.128
Phải trả tiền vay	281.625.013.155	281.625.013.155
Nợ phải trả không phân bổ	-	11.235.555.000
Tổng nợ phải trả	539.644.403.283	550.879.958.283

*Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015:**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và các hoạt động khác	Tổng
DOANH THU		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.219.925.093.141	1.219.925.093.141
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác		
Tổng doanh thu	1.219.925.093.141	1.219.925.093.141
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	60.349.609.035	60.349.609.035
Chi phí tài chính phân bổ	23.908.824.258	23.908.824.258
Kết quả kinh doanh bộ phận	15.502.336.767	15.502.336.767
Chi phí tài chính (không phân bổ)		-
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	4.386.727.014	4.386.727.014
Lợi nhuận kế toán trước thuế		19.889.063.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)		4.976.533.377
Lợi nhuận trong kỳ		14.912.530.404

HA G 10

01
NG
NH
IT
VIE
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.361.545.372	21.482.974.133
Phải thu khách hàng và phải thu khác	227.633.992.604	194.434.600.613
Đầu tư ngắn hạn	5.650.000.000	150.000.000
Đầu tư dài hạn	753.014.000	751.624.000
Tổng	308.398.551.976	216.819.198.746
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	281.625.013.155	211.383.958.496
Phải trả người bán và phải trả khác	174.584.078.071	191.809.468.735
Chi phí phải trả	16.154.164.046	9.619.723.154
Tổng	472.363.255.272	412.813.150.385

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về cả giá hàng hóa.

Rủi ro về giá*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực quản lý xây dựng và sản xuất phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm mở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các vốn của Chủ sở hữu nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.



178
TY
H
ÁI
NA
11-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Các khoản vay	278.388.553.155	3.236.460.000	281.625.013.155
Phải trả người bán và phải trả khác	174.584.078.071	-	174.584.078.071
Chi phí phải trả	16.154.164.046	-	16.154.164.046
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Các khoản vay	209.717.358.496	1.666.600.000	211.383.958.496
Phải trả người bán và phải trả khác	191.809.468.735	-	191.809.468.735
Chi phí phải trả	9.619.723.154	-	9.619.723.154

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.361.545.372	-	74.361.545.372
Phải thu khách hàng và phải thu khác	227.633.992.604	-	227.633.992.604
Đầu tư ngắn hạn	5.650.000.000	-	5.650.000.000
Đầu tư dài hạn	-	753.014.000	753.014.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.482.974.133	-	21.482.974.133
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.434.600.613	-	194.434.600.613
Đầu tư ngắn hạn	150.000.000	-	150.000.000
Đầu tư dài hạn	-	751.624.000	751.624.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

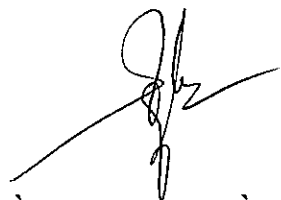
Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán đầu kỳ cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC	Chênh lệch
Tài sản			
Đầu tư ngắn hạn	150.000.000	-	(150.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		150.000.000	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	17.501.358.847	44.416.623.240	26.915.264.393
Tài sản ngắn hạn khác	26.915.264.393	-	(26.915.264.393)
Nguồn vốn			
Vay và nợ ngắn hạn	209.717.358.496	-	(209.717.358.496)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	209.717.358.496	209.717.358.496
Vay và nợ dài hạn	1.666.600.000	-	(1.666.600.000)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		1.666.600.000	1.666.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.099.774.244	5.499.795.325	2.400.021.081
Quỹ dự phòng tài chính	2.400.021.081	-	(2.400.021.081)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	13.417.954.632	13.417.954.632
Lợi ích cổ đông thiểu số	13.417.954.632	-	(13.417.954.632)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu



Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Tài xế kiêm đốc



Trần Huy Tường